

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

2. Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lương Vũ L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Vào năm 2008, do quen biết nên chị và anh Lương Vũ L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú vào ngày 05/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có 02 người con chung tên Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 và Lương Mạnh Th1,

sinh ngày 07/12/2015 đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, sau khi được Tòa án hoà giải động viên, anh L có cam kết sẽ sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ được khoảng 01 tháng thì anh L vẫn không thay đổi, thường xuyên ghen tuông, chửi bới xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của chị, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019 đến nay, từ lúc ly thân thì không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lương Vũ L; về con chung có 02 người con chung tên Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 và Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015 thì chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng; về tài sản chung không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 21/7/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020 bị đơn anh Lương Vũ L trình bày: Anh thừa nhận có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Lê Thị Thu H, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú vào ngày 05/12/2008. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 và Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015. Quá trình chung sống do anh làm ăn thất bại, gây nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 11 năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân và không hàn gắn được. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H thì anh đồng ý; về con chung anh đồng ý giao con chung tên Lương Hà Th cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Mạnh Th1, vì hiện nay cháu Th1 đã quen sống chung với anh, anh đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th; về tài sản chung anh và chị H có 01 căn nhà được xây dựng trên phần đất của cha mẹ vợ ở Đức Huệ, Long An và 01 căn nhà đang xây dựng ở khóm 4, thị trấn Trà Cú; phần tài sản này anh đồng ý giao căn nhà ở Đức Huệ, Long An cho chị H quản lý để giao lại con tên Lương Hà Th, còn căn nhà đang xây dựng ở khóm 4, thì để anh quản lý để giao lại cho con tên Lương Mạnh Th1 nên về tài sản chung thì anh và chị H không tranh chấp; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu H và bị đơn anh Lương Vũ L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau có hạnh phúc và có 02 người con chung tên Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 và Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015 đến năm 2017 thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn đến năm 2019, chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau khi Tòa án có hoà giải động viên để anh chị hàn gắn và chị H đã rút đơn khởi kiện, chỉ sau thời gian ngắn anh chị lại phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Từ những căn cứ trên, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận; về con chung thì cháu Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 có nguyện vọng được sống chung với chị H nên chấp nhận; đối với cháu Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015 từ khi anh chị ly thân thì cháu Th1 đã theo anh L sinh sống, nghĩ nên tiếp tục giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Lương Vũ L.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 cho chị Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015 anh Lương Vũ L được trực tiếp nuôi dưỡng; chị Lê Thị Thu H, anh Lương Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

- Về án phí đề nghị buộc chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Lê Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Lương Vũ L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lương Vũ L có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên

tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu H và bị đơn anh Lương Vũ L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú vào ngày 05/12/2008 đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thu H và anh Vũ L là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống chung có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của luật hôn nhân và gia đình đến khoảng năm 2017 thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống ly thân với nhau. Thời gian ly thân anh, chị không có tạo điều kiện hàn gắn; phía chị H cho rằng quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L; phía anh L cũng xác định tình trạng hôn nhân giữa anh với chị H đã mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hà. Căn cứ vào sự thừa nhận của đương sự Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Thời kỳ hôn nhân Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L có hai người con chung tên Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 và Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015; tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung; tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020 bị đơn anh L đồng ý giao con chung tên Lương Hà Th cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Mạnh Th1. Xét thấy, đối với cháu Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007, hiện nay đã trên 07 tuổi giữa chị H và anh L đã thống nhất về người trực tiếp nuôi con, việc này phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Hà Th nên chấp nhận; đối với cháu Lương Mạnh Th1 thì giữa chị H và anh L không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, hiện nay anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Th1, anh L không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con nên việc anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Mạnh Th1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Lê Thị Thu H phải chịu theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Lương Vũ L.

- Về con chung: Giao cháu Lương Hà Th, sinh ngày 11/10/2007 cho chị Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lương Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lương Mạnh Th1, sinh ngày 07/12/2015 anh Lương Vũ L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lương Vũ L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thu H đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008898 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn